

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NHỰA VĨNH KHÁNH

Ngày phân tích 1/12/2016 – Mã cổ phiếu : VKC – Sàn : HOSE

Khuyến nghị :

- Vùng giá hỗ trợ : 13,500 - 15,000 đồng/cp Vùng giá kháng cự : 20,000 - 22,000 đồng/cp
- Giá mục tiêu: 21,200 đồng/cp

❖ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

-Kinh doanh: dây và cáp viễn thông,mạng máy tính, ản phẩm cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE.

❖ THÔNG TIN CỔ PHIẾU
Thông tin thị trường

Ngày 01/12/2016

Giá	16,700
-----	--------

Summary

KLGD TB 20 phiên (cp)	204,270
-----------------------	---------

Giá cao nhất 52 tuần	8,400
----------------------	-------

Giá thấp nhất 52 tuần	20,000
-----------------------	--------

Số lượng CPLH (triệu)	20
-----------------------	----

Giá trị vốn hóa (triệu)	334,000
-------------------------	---------

Beta	1.2
------	-----

Chỉ số cơ bản

BV (đồng)	13,085
-----------	--------

P/E (lần)	9.6
-----------	-----

P/B (lần)	1.3
-----------	-----

EPS (đồng)	1,743
------------	-------

Cơ cấu cổ đông

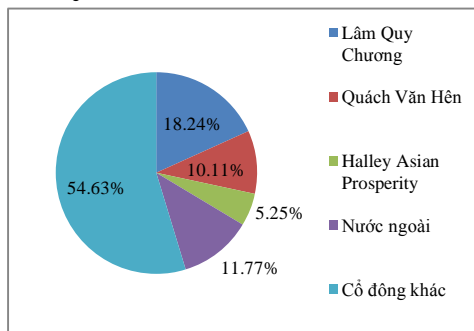
Lâm Quy Chương	18.24%
----------------	--------

Quách Văn Hên	10.11%
---------------	--------

Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	5.25%
--	-------

Nước ngoài	11.77%
------------	--------

Cổ đông khác	54.63%
--------------	--------


❖ TIÊU ĐIỂM CHÍNH :

✚ Doanh thu năm 2015 đạt 1,055 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2014 và lợi nhuận sau thuế đạt 22.6 tỷ đồng, tăng 99% so với năm 2014.

✚ 9 tháng đầu năm 2016 doanh thu công ty đạt 861 tỷ đồng tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái và lợi nhuận sau thuế đạt 34.1 tỷ đồng tăng 151% so với cùng kỳ năm ngoái.

✚ Hệ số thanh toán hiện thời luôn lớn hơn, tuy hệ số thanh toán nhanh luôn nhỏ hơn một, nhưng luôn tăng qua từng năm, chứng tỏ công ty đang cải thiện tình hình tài chính.

✚ Năm 2015 tổng nợ / vốn chủ sở hữu đạt 238%, thấp hơn mức 239% của năm 2014, nhưng cao hơn mức 230% của trung bình 3 năm qua. Bên cạnh đó, tổng nợ / tổng tài sản đạt 70%, tương đương năm 2014, cao hơn mức 69% của trung bình 3 năm qua.

✚ Vòng quay tồn kho tăng từ mức 4.31 của năm 2014 lên 5.14 của năm 2015, mức tăng khá đáng kể cho thấy công tác bán hàng của công tăng trưởng khả quan. Vòng quay khoản phải thu năm 2014 đạt 5.55, năm 2015 tăng lên mức 6.73, chứng tỏ việc thu hồi của công ty khiếm khai khá tốt.

✚ 2015 ROA của VKC đạt 4%, trong khi năm 2014 đạt 2%; ROE đạt 13%, trong khi năm 2014 đạt 7%. ROA và ROE của công ty đều tăng do lợi nhuận đã tăng khá mạnh trong năm 2015.

❖ ĐỊNH GIÁ:

MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ			
Giá trị nội tại của cổ phiếu	58,203	20%	11,641
Giá trị cổ phiếu theo Benjamin Graham	17,651	30%	5,295
Giá theo P/E	12,086	30%	3,626
Giá theo P/B	15,654	20%	3,131
GIÁ BÌNH QUÂN		100%	23,692



I. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT :

VVC - Daily 11/30/16 Open 16500, Hi 16800, Lo 16500, Close 16700 (0.6%) BBTop(Close,15,2) = 17,212.41, BBBot(Close,15,2) = 14,854.36, MA(Close,20) = 15,875.00 - Price

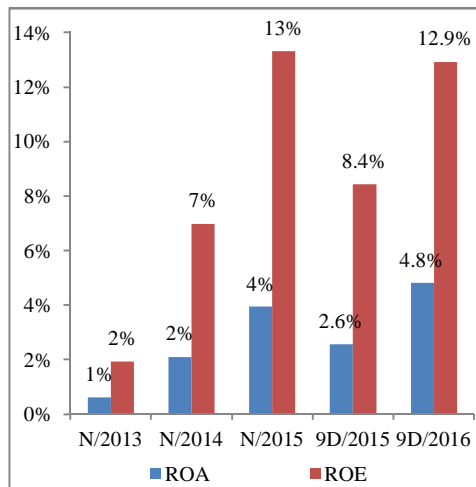
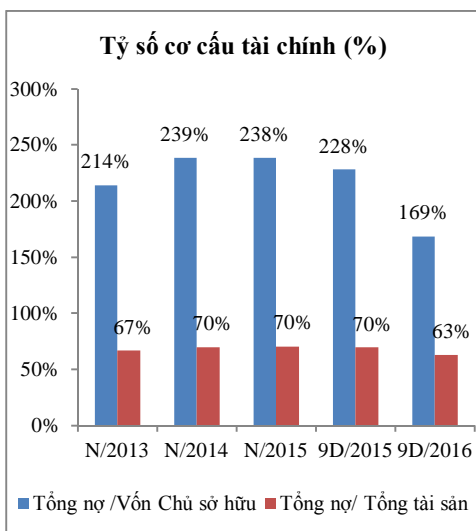
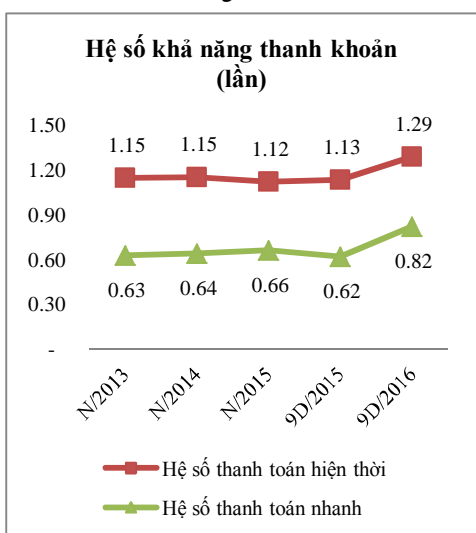


Đường chỉ báo RSI (5) ngày cắt đường RSI(10) ngày từ dưới lên, xu hướng tăng trong ngắn hạn vẫn hiện hữu bởi chỉ báo này, đường RSI (5) ngày đang ở vùng 67.77%, đường RSI (10) ngày đang ở vùng 62.75%.

Đường giá hôm qua cho cây nến xanh vừa hướng lên khi kết thúc phiên cùng với khối lượng giảm so với phiên trước, cho thấy việc tăng trong ngắn hạn vẫn tiếp diễn, việc này sẽ tiếp tục nếu nhận được sự trợ lực của cầu giá cao, ngược lại thì việc giảm co giảm sẽ xuất hiện.

Hôm qua đường giá hướng lên ngưỡng fibo 38.2%, tương ứng với mức 16.72điểm, kết thúc phiên đứng ở mức 16.7 điểm.

Đường Stochastic (K) cắt đường (D) từ dưới lên, xu hướng tăng trong ngắn hạn vừa được xác nhận trở lại bởi chỉ báo này, đường (K) ở mức 80.7% và đường (D) ở mức 80.17% , chỉ báo đang vào vùng quá mua.

Biểu đồ chỉ số sinh lời ROA và ROE

Biểu đồ chỉ số cơ cấu tài chính

Biểu đồ khả năng thanh toán


II. PHÂN TÍCH CƠ BẢN :

Doanh thu năm 2015 đạt 1,055 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2014 và lợi nhuận sau thuế đạt 22.6 tỷ đồng, tăng 99% so với năm 2014. Nguyên nhân lợi nhuận tăng mạnh do năm 2015 lợi nhuận gộp về bán hàng tăng 37% tương đương 22 tỷ đồng.

VKC kế hoạch doanh thu năm 2016 đạt 1,210 tỷ đồng tăng 15% so với năm 2015; lợi nhuận trước thuế đạt 44 tỷ đồng, tăng 100% so với năm 2015.

9 tháng đầu năm 2016 doanh thu công ty đạt 861 tỷ đồng tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái, hoàn thành 71% kế hoạch năm và lợi nhuận sau thuế đạt 34 tỷ đồng tăng 151% so với cùng kỳ năm ngoái, hoàn thành 77% kế hoạch năm.

Hệ số thanh toán hiện thời của năm 2015 đạt 1.12, thấp hơn mức 1.15 của năm 2014 và hệ số thanh toán nhanh đạt 0.66, cao hơn mức 0.64 của năm 2014. Hệ số thanh toán hiện thời luôn lớn hơn 1, tuy hệ số thanh toán nhanh luôn nhỏ hơn một, nhưng luôn tăng qua từng năm, chứng tỏ công ty đang cải thiện tình hình tài chính.

Năm 2015 tổng nợ / vốn chủ sở hữu đạt 238%, thấp hơn mức 239% của năm 2014, nhưng cao hơn mức 230% của trung bình 3 năm qua. Bên cạnh đó, tổng nợ / tổng tài sản đạt 70%, tương đương năm 2014, cao hơn mức 69% của trung bình 3 năm qua.

Vòng quay tồn kho tăng từ mức 4.31 của năm 2014 lên 5.14 của năm 2015, mức tăng khá đáng kể cho thấy công tác bán hàng của công ty tăng trưởng khả quan. Vòng quay khoản phải thu năm 2014 đạt 5.55, năm 2015 tăng lên mức 6.73, chứng tỏ việc thu hồi của công ty khiếm khai khá tốt.

2015 ROA của VKC đạt 4%, trong khi năm 2014 đạt 2%; ROE đạt 13%, trong khi năm 2014 đạt 7%. ROA và ROE của công ty đều tăng do lợi nhuận đã tăng khá mạnh trong năm 2015.

EPS năm 2015 đạt 1,743 đồng/cp trong khi đó cùng kỳ năm 2014 đạt 875 đồng/cp.



III. NHẬN XÉT:

- Hiện nay, thị phần của doanh nghiệp (DN) nhựa trong nước chủ yếu ở phân khúc bình dân. Đối với hàng cao cấp, giá trị lớn, lợi nhuận cao, sản phẩm của DN FDI và ngoại nhập chiếm ưu thế. Thống kê của Hiệp hội Nhựa Việt Nam, hiện có khoảng 2.000 DN hoạt động trong ngành nhựa, trong đó DN nhựa gia dụng chiếm 40%, nhựa bao bì 35%, nhựa kỹ thuật 13%, nhựa xây dựng 11%... Trên thị trường, ở phân khúc bình dân, sản phẩm nhựa gia dụng của DN trong nước chiếm ưu thế.

- Theo báo cáo của Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA) năng lực cung ứng nguyên liệu nhựa PP trong nước mới chỉ đáp ứng được 100.000 – 150.000 tấn/năm, trong khi, nhu cầu sử dụng lên đến 1,2 triệu tấn/năm. Như vậy, với khoảng 3.000 DN nhựa đang hoạt động trên thị trường hiện nay thì việc tăng thuế nhập khẩu PP lên mức 3% đã tạo ra rất nhiều khó khăn về nguồn nguyên liệu cho DN.

- Thép PNS, với giá hiện tại 16,700 đồng/cp, EPS 4 quý liên tiếp đạt 2,250 đồng/cp, thì P/E của VKC là 7.4 lần, thấp hơn P/E ngành 12.7 lần; P/B của VKC 1.3 lần, cao hơn P/B ngành 1.2 lần, hệ thống định giá PNS cho ra kết quả 23,692 đồng/cp.

3. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	N/2013	N/2014	N/2015	9D/2015	9D/2016	BQOK
Hệ số khả năng thanh khoản						
Hệ số thanh toán hiện thời	1.15	1.15	1.12	1.13	1.29	1.14
Hệ số thanh toán nhanh	0.63	0.64	0.66	0.62	0.82	0.64
Tỷ số cơ cấu tài chính (%)	N/2013	N/2014	N/2015	9D/2015	9D/2016	BQOK
Tổng nợ /Vốn Chủ sở hữu	214%	239%	238%	228%	169%	230%
Tổng nợ/ Tổng tài sản	67%	70%	70%	70%	63%	69%
Hiệu quả hoạt động (vòng)	N/2013	N/2014	N/2015	9D/2015	9D/2016	BQOK
Vòng quay hàng tồn kho	4.55	4.31	5.14	3.80	3.92	4.67
Vòng quay các khoản phải thu	6.03	5.55	6.73	4.48	4.66	6.10
Vòng quay các khoản phải trả	1.65	1.41	1.72	1.44	1.29	1.60
Doanh thu và lợi nhuận (triệu)	N/2013	N/2014	N/2015	9D/2015	9D/2016	BQOK
Doanh thu thuần	821,408	846,394	1,055,884	754,898	861,151	907,895
Lợi nhuận sau thuế	3,088	11,372	22,654	13,589	34,155	12,371
Chỉ tiêu tăng trưởng (%)	N/2013	N/2014	N/2015	9D/2015	9D/2016	BQOK
Tăng trưởng doanh thu thuần	11%	3%	25%	24%	14%	13%
Tăng trưởng lợi nhuận sau	-71%	268%	99%	102%	151%	99%
Tỷ số khả năng sinh lời (%)	N/2013	N/2014	N/2015	9D/2015	9D/2016	BQOK
Lãi gộp/Doanh thu thuần	7%	7%	8%	7%	10%	7%
Lãi ròng/Doanh thu thuần	0%	1%	2%	1%	2%	1%
ROA	1%	2%	4%	2.6%	4.8%	2%
ROE	2%	7%	13%	8.4%	12.9%	7%
BV (đồng)	12,668	12,517	13,085	12,387	13,211	12,757
EPS (đồng)	238	875	1,743	1,045	1,708	952

So sánh cổ phiếu ngành (4 quý gần nhất)

Chỉ số so sánh	VKC	RDP	TPC	DAG	DNP	Ngành
P/E cơ bản (lần)	7.4	6.9	8.9	11.8	5.6	12.7
P/B (lần)	1.3	1.4	0.5	1.3	1.5	1.2
ROE (%)	22%	35%	4%	11%	45%	23%
ROA (%)	6%	8%	2.1%	4%	6%	5%
EPS (đồng)	2,250	3,896	902	1,303	4,391	2,548

4. THỐNG KÊ GIÁ

Ngày	Giá điều chỉnh	Giá đóng cửa	Thay đổi (+/- %)	GD khớp lệnh		GD thỏa thuận		Giá mở cửa	Giá cao nhất	Giá thấp nhất
				KL	GT	KL	GT			
30/11/2016	16,700	16,700	100 (0.6 %) ▲	286,570	4,788,677,000	0	0	16,500	16,800	16,500
29/11/2016	16,600	16,600	300 (1.84 %) ▲	402,196	6,670,577,660	28,300	452,800,000	16,300	16,900	16,300
28/11/2016	16,300	16,300	-200 (-1.21 %) ▼	129,732	2,130,238,000	5,007	90,104,300	16,600	16,700	16,200
25/11/2016	16,500	16,500	-200 (-1.2 %) ▼	198,610	3,267,013,000	5,800	105,560,000	16,600	16,800	16,300
24/11/2016	16,700	16,700	-100 (-0.6 %) ▼	123,465	2,045,693,000	0	0	16,800	16,800	16,300
23/11/2016	16,800	16,800	-100 (-0.59 %) ▼	218,911	3,674,909,440	30	459,000	16,900	16,900	16,500
22/11/2016	16,900	16,900	1,300 (8.33 %) ▲	581,788	9,565,868,000	0	0	15,600	16,900	15,600
21/11/2016	15,600	15,600	100 (0.65 %) ▲	131,750	2,038,073,000	200,000	3,100,000,000	15,300	15,600	15,000
18/11/2016	15,500	15,500	100 (0.65 %) ▲	128,955	1,991,246,340	0	0	15,400	15,500	15,300
17/11/2016	15,400	15,400	-200 (-1.28 %) ▼	73,872	1,150,418,820	300,000	4,680,000,000	15,700	15,700	15,400

5. THỐNG KÊ ĐẶT LỆNH

Ngày	Dư mua	Dư bán	Thay đổi (+/- %)	Số lệnh mua	Khối lượng đặt mua	KLTB 1 lệnh mua	Số lệnh đặt bán	Khối lượng đặt bán	KLTB 1 lệnh bán	Chênh lệch KL đặt mua - đặt bán
30/11/2016	171,830	202,530	100 (0.6 %) ▲	242	458,400	1,894	226	489,100	2,164	-30,700
29/11/2016	300,604	256,204	300 (1.84 %) ▲	360	702,800	1,952	213	668,400	3,091	44,400
28/11/2016	415,368	113,668	-200 (-1.21 %) ▼	158	545,100	3,450	137	243,400	1,777	301,700
25/11/2016	217,290	149,690	-200 (-1.2 %) ▼	185	415,900	2,248	151	348,300	2,307	67,600
24/11/2016	216,635	104,335	-100 (-0.6 %) ▼	165	340,100	2,061	107	227,800	2,129	112,300
23/11/2016	134,589	208,389	-100 (-0.59 %) ▼	229	353,500	1,544	201	427,300	2,126	-73,800
22/11/2016	283,412	147,712	1,300 (8.33 %) ▲	448	865,200	1,931	280	729,500	2,605	135,700
21/11/2016	109,650	47,250	100 (0.65 %) ▲	113	241,400	2,136	89	179,000	2,011	62,400
18/11/2016	140,845	84,345	100 (0.65 %) ▲	125	269,800	2,158	86	213,300	2,480	56,500
17/11/2016	51,928	96,028	-200 (-1.28 %) ▼	74	125,800	1,700	72	169,900	2,360	-44,100

6. GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Ngày	KL giao dịch ròng	Giá trị giao dịch ròng	Thay đổi (+/- %)	Mua		Bán		Room còn lại	Đang sở hữu (%)
				Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị		
30/11/2016	21,000	349,350,000	100 (0.6 %) ▲	21,000	349,350,000	0	0	6,396,438	17.02
29/11/2016	-8,800	-148,140,000	300 (1.84 %) ▲	20,300	335,920,000	29,100	484,060,000	6,417,438	16.91
28/11/2016	-11,200	-183,490,000	-200 (-1.21 %) ▼	1,900	31,350,000	13,100	214,840,000	6,422,738	16.89
25/11/2016	4,000	65,860,000	-200 (-1.2 %) ▼	4,000	65,860,000	0	0	6,424,638	16.88
24/11/2016	-900	-15,440,000	-100 (-0.6 %) ▼	14,100	234,060,000	15,000	249,500,000	6,428,638	16.86
23/11/2016	15,000	253,460,000	-100 (-0.59 %) ▼	15,000	253,460,000	0	0	6,442,738	16.79
22/11/2016	26,800	438,640,000	1,300 (8.33 %) ▲	26,800	438,640,000	0	0	6,457,738	16.71
21/11/2016	0	0	100 (0.65 %) ▲	0	0	0	0	6,484,478	16.58
18/11/2016	27,100	418,610,000	100 (0.65 %) ▲	27,100	418,610,000	0	0	6,484,478	16.58
17/11/2016	-60	-924,000	-200 (-1.28 %) ▼	0	0	60	924,000	6,511,578	16.44

KHUYẾN CÁO:

Nội dung báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam (PNS) cung cấp chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ các nguồn tin đáng tin cậy và được kiểm tra một cách cẩn thận, tuy nhiên PNS không đảm bảo tuyệt đối độ chính xác của thông tin và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng báo cáo này.

Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào mua hay bán và nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào.

Báo cáo này là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam (PNS). Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích nào nếu không có sự đồng ý của PNS.

LIÊN HỆ :**PHÒNG PHÂN TÍCH – CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG NAM**

Email : ppt-pns@chungkhoanphuongnam.com.vn

Website : www.chungkhoanphuongnam.com.vn

TRỤ SỞ CHÍNH	CHI NHÁNH SÀI GÒN	CHI NHÁNH HÀ NỘI
Địa chỉ: 28–30–32 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Q.1, Tp.HCM. Tel : (848) 6255 6518 Fax: (848) 6255 6519	Địa chỉ: 52 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM Tel : (84-8) 6295 9138 Fax: (84-8) 6295 9218	Địa chỉ: Tầng 6-Số 205 Giảng Võ Phường Cát Linh Đống Đa, Hà Nội. Tel : (84.04) 6283 3666 Fax: (84.04) 6273 2554